

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2026.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Chí Tâm.

Bà Trương Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Kim Thị Hòa R**, sinh ngày 12/12/2005 (vắng mặt).

Số Căn cước công dân: *****

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Sơn Minh T**, sinh ngày 16/3/2004 (vắng mặt).

Số Căn cước công dân: *****

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2026 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Kim Thị Hòa R trình bày: Bà và ông Sơn Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ). Vợ chồng có với nhau một người con chung tên Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 21/10/2024. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên hiện bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã cố hàn gắn nhưng không được, nên bà muốn được trả tự do cho nhau. Giữa bà và ông T đã ly thân từ một năm nay, con chung đang sống với bà.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Minh T.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị Hồng G và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Sơn Minh T vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà R khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà R và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà R có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên giữa bà R và ông T không còn sống chung với nhau, ông T đã được thông báo về việc bà R khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến cho thấy quan hệ giữa bà R và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà R và ông T có một người con chung tên Sơn Thị Hồng G (nữ), sinh ngày 21/10/2024 đang sống với bà R. Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử thì cháu G chưa đủ 36 tháng tuổi, bà R có yêu cầu được nuôi con chung, ông T đã được thông báo và không phản đối, đồng thời không có ý kiến hoặc yêu cầu khác về việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà R nuôi dưỡng. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, cấp dưỡng giữa vợ chồng, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Kim Thị Hòa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Kim Thị Hòa R được ly hôn với ông Sơn Minh T.
2. Về con chung: Giao cho bà Kim Thị Hòa R được nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị Hồng G (nữ), sinh ngày 21/10/2024 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Sơn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng cho con, cấp dưỡng giữa vợ chồng, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Bà Kim Thị Hòa R phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Kim Thị Hòa R đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0007394 ngày 17/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc,
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai